

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2018
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyển

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 383/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Minh N, sinh năm: 1976.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bích K, sinh năm: 1977.

Cả 02 cùng địa chỉ: Tổ 28, ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn ông Ngô Minh N trình bày: Tôi và bà K chung sống với nhau vào năm 2004, có tình cảm, hôn nhân tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà K còn liên lạc nhắn tin với chồng trước. Ông biết được có khuyên can nhưng bà K vẫn không từ bỏ, mặc dù bà và chồng trước đã ly hôn với nhau. Tuy vậy nhưng

ông bà vẫn chung sống với nhau đến năm 2013 mới ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14-10-2006. Hiện đang sống chung với bà K. Ông đồng ý để bà K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6-2018 cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 24 tháng 5 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Bích K trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng sống chung với nhau vào năm 2004, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N có quan hệ tình cảm với người khác, thậm chí thời gian ông bà đang sống chung nhà, ông N còn dẫn người phụ nữ đó về nhà chơi. Từ đó bà thấy buồn nên dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở luôn. Nay ông N yêu cầu ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 14-10-2006. Bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6-2018 cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông N và bị đơn bà K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Ngô Minh N và bà Nguyễn Bích K là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu N cho bà K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được; Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Minh N và bà Nguyễn Bích K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông N và bà K chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện nhưng ông bà không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông N có yêu cầu ly hôn mặc dù bà K không đồng ý Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của ông bà để cho hay không cho ông bà ly hôn, mà căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa ông N và bà K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 14-10-2006. Ông bà thống nhất giao cháu N cho bà K nuôi dưỡng, qua làm việc cháu N có nguyện vọng sống với bà K. Nên giao cho bà K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

[4] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông bà khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Ngô Minh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9, Điều 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Ngô Minh N và bà Nguyễn Bích K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao bà K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 14-10-2006. Ghi nhận ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N không thi hành thì hàng tháng anh N còn phải trả số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông bà khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông Ngô Minh N phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trong đó 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013517 ngày 16-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Nên ông N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tài